

Cơ cấu lại các ngân hàng

thương mại

Việc cần làm ngay

HUYỀN THẾ DU

Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright

Có nhiều ý kiến cho rằng nguyên nhân của cuộc đua lãi suất đang diễn ra của các ngân hàng thương mại (NHTM) là do Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã quá mạnh tay trong việc thắt chặt tiền tệ mà cụ thể là do việc yêu cầu các ngân hàng mua 20.300 tỷ đồng tín phiếu bất buộc khi vừa mới tăng thêm 1% dự trữ bắt buộc ở thời điểm nền kinh tế đang cần tiền nhất. Theo quan điểm của người viết, những động thái nêu trên chỉ là ngòi nổ kích hoạt thùng thuốc súng đã quá căng. Thực ra không sớm thì muộn, cuộc đua của các ngân hàng thương mại nói riêng, các tổ chức tài chính nói chung cũng sẽ diễn ra mà nó bắt nguồn từ việc có quá nhiều ngân hàng trong khi hầu hết các tổ chức này dường như không có lợi thế riêng biệt nào khác ngoài huy động vốn và cho vay nhưng không kiểm soát được rủi ro và những hoạt động của mình.

Bài viết sẽ tập trung nêu ra những vấn đề của việc có quá nhiều ngân hàng và những giải pháp khả dĩ nhằm xây dựng một hệ thống ngân hàng nói riêng, hệ thống tài chính nói chung mạnh, đóng góp tích cực cho tăng trưởng và phát triển kinh tế của Việt Nam.

Những vấn đề nội tại của hệ thống ngân hàng Việt Nam

Đang có quá nhiều ngân hàng cũng như các tổ chức tài chính khác

Trừ thời của các hợp tác xã tín dụng, chưa bao giờ Việt Nam lại có nhiều tổ chức tài chính như hiện nay với hơn 80 ngân hàng (trong và ngoài nước), gần 100 công ty chứng khoán, một loạt các loại hình tổ chức tài chính khác (chưa kể rất nhiều hồ sơ xin phép thành lập mới đang nằm trên bàn của các cơ quan chức năng). Một con số quá lớn so với nền kinh tế 72 tỷ đô la và chưa đến 300 công ty niêm yết, chưa bằng phân nửa Thái Lan và rất nhỏ so với Hàn Quốc trước khủng hoảng năm 1997. Bên cạnh đó, việc các ngân hàng đua nhau mở rộng mạng lưới và xu hướng thành lập ngân hàng trực thuộc các tập đoàn cũng là điều đáng lo ngại.

Việc có quá nhiều ngân hàng đã đặt ra thách thức rất lớn về nguồn lực cũng như quản lý rủi ro. Sự cạnh tranh không lành mạnh đã xuất hiện. Những diễn biến bất thường của lãi suất là một dấu hiệu. Trong năm 2007, cho dù các ngân hàng thừa tiền đồng và lãi suất ngoại tệ trên thế giới giảm với bằng chứng là lãi suất trên thị trường liên ngân hàng rất thấp, nhưng lãi suất huy động vốn trong nước (cả tiền đồng và ngoại tệ) không những không đi xuống mà còn có chiều hướng ngược lại mà nguyên nhân là do các chi nhánh ngân hàng mới được thành lập cần phải có nguồn vốn, kiểu gì cũng phải giữ, thậm chí tăng lãi suất để thu hút khách hàng. Khi hoạt động và sự cạnh tranh của các ngân hàng nói riêng, các tổ chức tài chính nói chung không dựa trên lợi thế của công nghệ, của trình độ quản lý mà chỉ là cạnh tranh về giá (lãi suất), sẽ tạo ra rủi ro rất lớn cho hệ thống tài chính nói riêng, nền kinh tế nói chung. Rắc rối đầu tiên mà các ngân hàng phải gánh chịu chính là cuộc khủng hoảng thanh khoản vừa qua.

Những hiện tượng tương tự đã xảy ra ở các nước Đông và Đông Nam Á trước khủng hoảng năm 1997 và điều gì phải đến đã đến. Năm 1996, Hàn Quốc có đến 25 ngân hàng (15 ngân hàng hoạt động toàn quốc và 10 ngân hàng khu vực) nhưng hiện nay còn chỉ còn lại 13 với 7 ngân hàng hoạt động trên toàn quốc và 6 ngân hàng khu vực, trong khi quy mô thị trường tài chính cũng như nền kinh tế của họ lớn hơn Việt Nam rất nhiều (tổng tài sản của các ngân hàng và GDP của nước này bằng khoảng 900 tỷ đô la). Nhiều người lập luận rằng số lượng ngân hàng ở Việt Nam như thế vẫn chưa nhiều vì có nhiều nước đang có rất nhiều ngân hàng (như Hoa Kỳ chẳng hạn). Tuy nhiên, điều cần lưu ý giảm số lượng ngân hàng đang là xu hướng phổ biến hiện nay. Ngay cả Hoa Kỳ, ở thời điểm hiện tại họ chỉ còn chưa đến 8.000 ngân hàng so với 15.000 cách đây hơn 20 năm.¹

Hoạt động của các ngân hàng tiềm ẩn

nhiều rủi ro

Cần có một cơ sở dữ liệu đầy đủ và phân tích tỷ mỉ hơn về hoạt động, nhưng với những động thái đang diễn ra trên thị trường cho thấy hoạt động của các ngân hàng trong nước đang hàm chứa nhiều rủi ro. Về cơ bản, hoạt động của hầu hết các ngân hàng Việt Nam đều chưa đạt hiệu quả theo mức bình quân chung của các nước đang phát triển, trong khi lại tiềm ẩn nhiều rủi ro và tính mong manh dễ vỡ. Hơn thế, quan sát những động thái của các ngân hàng trong nước cũng như các ngân hàng nước ngoài trong thời gian gần đây càng làm bộc lộ nhiều vấn đề hơn.

Các NHTMNN vướng bận quá nhiều vào kế hoạch cổ phần hóa nhưng vấn đề cốt lõi vẫn chưa có hướng giải quyết: Sự nhầm lẫn giữa mục tiêu có những tổ chức tài chính mạnh làm nền tảng cho một hệ thống tài chính phát triển và việc bán cổ phần được giá cao là điều hết sức nguy hiểm cho sự phát triển của hệ thống ngân hàng nói riêng, nền kinh tế nói chung. Do quá chú trọng đến yếu tố giá chào bán lần đầu mà các ngân hàng vẫn chưa có giải pháp để có được những nhà đầu tư chiến lược thực sự cũng như cách thức giữ “các đối tác chiến lược hiện hữu”, chính là đội ngũ cán bộ nhân viên của mình. Cách thức triển khai cổ phần hóa của Vietcombank với tiêu chí thu được nhiều tiền nhất và những lùm xùm liên quan đến trái phiếu chuyển đổi cộng với việc thay đổi cách thức tiến hành IPO đã làm xói mòn không nhỏ lòng tin của các nhà đầu tư cũng như giới quan sát về mục tiêu thực sự của quá trình này. Thực ra, chính việc đặt ra mục tiêu tối đa hóa số tiền thu được đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa cũng đã góp phần đẩy kỳ vọng bất hợp lý của công chúng lên cao dẫn đến sự lao dốc của chỉ số chứng khoán như đang xảy ra.² Một điều cần nhấn mạnh thêm là hiệu quả hoạt động của các NHTMNN đang rất thấp.

Hoạt động kinh doanh của các NHTMCP hàm chứa rất nhiều rủi ro: Với sự có mặt của quá nhiều ngân hàng cổ phần, áp lực tăng trưởng đè nặng lên vai các ngân hàng và cách thức tốt nhất là mở rộng tín dụng. Trong đó, một tỷ phần không nhỏ nguồn vốn của các ngân hàng này được đổ vào chứng khoán và bất động sản. Đây là các hoạt động dường như không mang lại giá trị gia tăng cho nền kinh tế nhưng tiềm ẩn rất rủi ro khi thị trường giảm sút hay đóng băng. Tác động kép (sụp đổ cả hệ thống ngân hàng và thị trường chứng khoán) rất dễ xảy ra. Việc công bố những con số lợi nhuận rất cao có thể hàm chứa những yếu tố bất thường hay không minh bạch của các ngân hàng. Ví dụ, năm 2007, lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng Á Châu (ACB), ngân hàng cổ phần được đánh giá tốt nhất hiện nay lên đến 1.770 tỷ đồng, tăng 170% so với năm 2006. Tuy nhiên, trong số tăng 1.112 tỷ thì đã có 1.027 tỷ đồng tăng từ kinh doanh chứng khoán, góp vốn mua cổ phần và các hoạt động khác. Đây là khoản thu nhập không ổn định và hàm chứa nhiều rủi ro. Khi mà thị trường đi xuống như hiện nay thì rất nhiều khả năng con số 1.027 nêu trên

sẽ đảo chiều thành số âm.³

Các ngân hàng nước ngoài dựa vào chiến lược của mình đã có những bước tiến vững chắc trong việc mở rộng hoạt động, chiếm lĩnh thị trường. Phản ứng của các ngân hàng trong cuộc khủng hoảng thanh khoản vừa qua cũng như cuộc đua lãi suất hiện tại là một bằng chứng rõ nhất, các ngân hàng nước ngoài dường như không bị tác động và không vướng vào cuộc đua lãi suất cũng như hoạt động cho vay chứng khoán mà họ đang lặng lẽ mở rộng những sản phẩm dịch vụ ngân hàng cốt lõi có tiềm năng rất lớn. Ngoài ra, bên cạnh những mặt tích cực của việc có được các nhà đầu tư chiến lược nước ngoài thì nguy cơ thị trường trong nước bị thống lĩnh bởi bên ngoài là điều cần lưu ý. Cách duy nhất để giảm thiểu nguy cơ này là các doanh nghiệp trong nước phải mạnh lên.

Một vấn đề khác cần quan tâm đến hoạt động của các ngân hàng Việt Nam là việc đa dạng hóa hoạt động và mở rộng sang cả lĩnh vực bảo hiểm và chứng khoán theo mô hình ngân hàng toàn cầu (Universal Bank). Điều này vừa có mặt tích cực là giúp ngân hàng đa dạng được các hoạt động của mình, nhưng mặt tiêu cực là hoạt động trở nên phức tạp hơn, do vậy việc kiểm soát rủi ro sẽ khó khăn hơn làm cho những rủi ro tiềm ẩn khó lường đoán hơn. Thêm vào đó, điều đáng quan tâm là hiện nay không ai có thể biết chính xác các ngân hàng đã sử dụng bao nhiêu tiền để cho vay cũng như đầu tư vào chứng khoán và bất động sản, bao nhiêu khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là các bất động sản hay chứng khoán có mức độ rủi ro cao. Điều gì sẽ xảy ra nếu chứng khoán tuột dốc và bất động sản đóng băng trong một thời gian dài? Câu chuyện sẽ không chỉ riêng đối với từng ngân hàng mà có thể ảnh hưởng đến cả hệ thống tài chính cũng như nền kinh tế. Lúc này khả năng đổ vỡ hệ thống cũng như khủng hoảng tài chính là điều có thể xảy ra. Ngoài ra, hoạt động của Ngân hàng phát triển cũng đang đặt ra một dấu hỏi khi mà tổng dư nợ của ngân hàng này đang ở một con số rất lớn.

Những thách thức của hệ thống ngân hàng Việt Nam

Tuy đã đạt được nhiều tiến bộ trong cải cách, nhưng vẫn còn rất nhiều tồn tại đối với hệ thống ngân hàng Việt Nam. Những thách thức khi Việt Nam phải mở cửa hoàn toàn thị trường tài chính theo các cam kết gia nhập WTO trong điều kiện hiện tại của hệ thống ngân hàng được thể hiện cụ thể trong ba vấn đề sau:

Sự thống lĩnh trong yếu kém của các NHTMNN: Việt Nam đã mở cửa khu vực ngân hàng của mình, nhưng các ngân hàng thuộc sở hữu Nhà nước vẫn chiếm hơn 50% thị phần. Với cơ chế quản lý chưa được xử lý một cách triệt để, lợi nhuận và gia tăng giá trị doanh nghiệp chưa phải mục tiêu cao nhất và duy nhất thì những tồn tại của hệ thống ngân hàng không dễ gì được gỡ bỏ trong một sớm một chiều.

Nguy cơ thôn tính của các tổ chức tài chính nước

ngoài: Việc mở cửa cho các ngân hàng nước ngoài vào hoạt động, cạnh tranh, nhất là việc mời họ trở thành cổ đông chiến lược là điều tốt, nó góp phần nâng cao hiệu quả của hệ thống ngân hàng. Tuy nhiên, cần phải hiểu rằng, mục tiêu chính của các ngân hàng, các nhà đầu tư chiến lược là họ muốn xây dựng một tập đoàn tài chính ngân hàng toàn cầu mà Việt Nam chỉ là một phần trong thị trường toàn cầu của họ. Họ muốn có một mạng lưới mạnh mang chính thương hiệu của họ chứ chưa chắc mục tiêu của họ là làm gia tăng giá trị phần vốn góp

vào các ngân hàng. Do vậy, các ngân hàng trong nước của Việt Nam cần phải cẩn thận nếu không muốn biến thành đại lý cho các ngân hàng nước ngoài.⁴

Sự bất ổn và dễ vỡ của hệ thống ngân hàng: Nhìn vào cơ cấu tài sản nợ và tài sản có của các ngân hàng với vốn huy động chủ yếu là ngắn hạn, trong khi phần nhiều tài sản đang được đầu tư dài hạn dẫn đến chênh lệch kỳ hạn giữa tài sản nợ và tài sản có có thể lên đến hàng chục lần. Điều này tạo ra rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất rất lớn. Thêm vào đó, với khả năng quản trị ngân hàng, quản trị rủi ro còn nhiều hạn chế mà các ngân hàng phát triển quá nhanh (tài sản tăng gần 6 lần trong 3 năm) và sự cạnh tranh quá gay gắt thì sự mong manh và dễ vỡ của các ngân hàng là rất lớn.

Thách thức lớn, nhưng khi gia nhập thị trường toàn cầu, chịu những áp lực rất lớn từ bên ngoài và tuân thủ các luật lệ chung cũng có nhiều lợi điểm cho Việt Nam. Trong đó, cơ hội xây dựng một hệ thống ngân hàng chuẩn mực, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế và cơ hội cải cách triệt để các ngân hàng trong nước, nhất là các NHTMNN là hai điều cần đặc biệt lưu ý và cố gắng tận dụng tốt.

Giảm bớt số lượng ngân hàng, việc cần làm ngay

Cơ cấu lại các ngân hàng thương mại theo hướng giảm số lượng, tăng sức mạnh tài chính, trình độ quản lý và trình độ công nghệ

Nếu tính cả các chi nhánh ngân hàng nước ngoài thì hiện nay Việt Nam có khoảng 80 ngân hàng, bình quân 1 triệu người có một ngân hàng, cao hơn bình quân của Trung Quốc (hơn 300 ngân hàng trên 1,3 tỷ người), nhưng không đáng kể so với gần 8.000 ngân hàng ở Mỹ.⁵ Tuy nhiên, con số nêu trên dường như không có ý nghĩa đáng kể gì. Vấn đề nằm ở chỗ là các ngân hàng quốc nội của Việt Nam có quy mô quá nhỏ. Tổng tài sản tính đến cuối năm 2007 của ngân hàng lớn nhất Việt Nam là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chỉ khoảng 20 tỷ đô-la. NHTMCP có tổng tài sản lớn nhất là ACB cũng chưa đến 6 tỷ đô-la. Giả sử những nước khác đều có quy định như Việt Nam là để mở chi nhánh ngân hàng ở nước ngoài phải có tổng tài sản tối thiểu là 20 tỷ đô-la và để mở ngân hàng con 100% vốn nước ngoài phải có tổng tài sản ít nhất là 10 tỷ đô-la thì Việt Nam chỉ có 4 ngân hàng có khả năng mở ngân hàng con và không một ngân hàng

nào có khả năng mở chi nhánh ở nước ngoài.⁶

Sự cạnh tranh của thị trường sẽ lớn hơn khi có nhiều người tham gia. Tuy nhiên, ngân hàng là một lĩnh vực đặc biệt ảnh hưởng đến cả nền kinh tế. Do vậy, cần hết sức thận trọng trong việc cho thành lập mới các ngân hàng. Thậm chí xem xét việc sáp nhập nhằm nâng cao năng lực của các ngân hàng trong nước, tránh tình trạng đổ vỡ xảy ra. Bài học ở các nước Đông Á và Đông Nam Á cho thấy, việc có quá nhiều ngân hàng hoạt động trong một thị trường chật hẹp đã gây ra rất nhiều vấn đề. Từ con số 25, các ngân hàng Hàn Quốc đã phải sáp nhập lại để có một hệ thống ngân hàng mạnh như hiện nay với con số chỉ là 13. Trong bối cảnh hiện nay, ngoài việc sáp nhập các ngân hàng nhỏ, Việt Nam có thể sáp nhập 3 NHTMNN gồm Ngân hàng Ngoại thương, Ngân hàng Công thương và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển, để thành một ngân hàng có tầm cỡ so với khu vực.

Vấn đề quan trọng khác là áp dụng các mô hình quản trị, mục tiêu hoạt động và các tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động. Đây chính là những vấn đề mà các ngân hàng trong nước, nhất là các NHTMNN đang gặp nhiều lúng túng. Việc xác định mục tiêu duy nhất là lợi nhuận là gia tăng giá trị doanh nghiệp và áp dụng mô hình quản trị công ty theo cách giảm thiểu vấn đề mâu thuẫn về lợi ích giữa chủ sở hữu và người điều hành là điều rất đáng quan tâm của các ngân hàng hiện nay.

Đối với việc cổ phần hóa các NHTMNN, Chính phủ cần có những chỉ đạo và quyết sách mạnh mẽ và triệt để, nhất là việc xử lý nợ xấu và sắp xếp lại đội ngũ nhân sự kết hợp với lựa chọn mô hình quản trị doanh nghiệp rõ ràng. Nếu không, khả năng các ngân hàng này gặp rắc rối sau khi cổ phần hóa và dẫn tới việc bị các ngân hàng nước ngoài thôn tính là điều có thể xảy ra. Khi đó, hệ thống tài chính của Việt Nam có thể hoạt động vẫn tốt, nhưng việc để cho các ngân hàng nước ngoài chiếm phần lớn thị phần, thao túng hoạt động trên sân nhà là điều có lẽ không hợp lắm với văn hóa của Trung Quốc và Việt Nam.

Việc học hỏi kinh nghiệm của Trung Quốc khi tiến hành cơ cấu và cổ phần hóa các NHTMNN, nhất là các vấn đề liên quan đến yếu tố nước ngoài, Việt Nam cần hết sức lưu ý vì quy mô của các ngân hàng Trung Quốc rất lớn nên các ngân hàng nước ngoài dù muốn cũng khó lòng thôn tính được. Trong khi, điều này hoàn toàn ngược lại ở Việt Nam. Với tiềm lực khổng lồ của các ngân hàng nước ngoài việc thôn tính cả hệ thống tài chính chứ chưa nói đến một ngân hàng ở Việt Nam là điều hoàn toàn nằm trong tầm tay của họ.

Một lưu ý khác đối với Việt Nam trong quá trình cải cách hệ thống ngân hàng là hoạt động của tổ chức tài chính tựa ngân hàng nhưng trực thuộc các bộ khác và chính quyền địa phương mà không chịu sự quản lý và giám sát hoạt động của NHNNVN. Nếu tình trạng một "hệ thống ngân hàng khác" tồn tại bên cạnh hệ thống ngân hàng hiện tại sẽ làm cho việc điều hành chính sách tiền tệ sẽ trở nên

khó khăn hơn và đương nhiên, điều này tiềm ẩn nhiều rủi ro cho nền kinh tế

Những công cụ có thể sử dụng

Để giải quyết tận gốc của vấn đề, bây giờ chính là lúc cần quan tâm đến “khỏi thuốc nổ”. Cách tốt nhất là sử dụng các công cụ minh bạch và tuân theo quy luật thị trường để giảm số lượng các ngân hàng. Để làm được điều này, Ngân hàng Nhà nước cùng Ủy ban giám sát tài chính quốc gia cần triển khai ngay một số công việc sau.

Thứ nhất, những yêu cầu để đảm bảo an toàn trong hoạt động cần dựa theo triết lý rất đơn giản là ngân hàng có thể làm bất kỳ điều gì với điều kiện phải có đủ năng lực (vốn tự có), có khả năng kiểm soát được rủi ro và phải minh bạch - đây chính là ba trụ cột cơ bản của Basel II.⁷

Thứ hai, yêu cầu các ngân hàng thương mại tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về điều kiện đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng, nhất là quy định về đủ vốn và mức vốn tối thiểu. Trong trường hợp cần thiết, có thể nâng mức vốn tối thiểu lên 5.000 tỷ đồng hay cao hơn nữa thay vì 3.000 tỷ đồng như hiện nay.

Thứ ba, thực hiện ngay việc xếp loại các Tổ chức tín dụng kết hợp với đánh giá phân loại nợ và yêu cầu trích dự phòng rủi ro đầy đủ.

Trên cơ sở những nội dung nêu trên, nếu ngân hàng nào không đảm bảo thì yêu cầu họ phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu, nếu không phải sáp nhập với các ngân hàng khác hay chấm dứt hoạt động. Khi Việt Nam chỉ còn một số lượng vừa phải các ngân hàng thì mọi thứ khả năng sẽ tốt lên vì năng lực của bản thân ngân hàng sẽ được nâng cao và khả năng giám sát của các cơ quan chức năng sẽ dễ dàng và hiệu quả hơn rất nhiều. Có một điều đáng chú ý rằng đối với các ngân hàng nhỏ việc sáp nhập nếu có những bước đi hợp lý sẽ có lợi hơn vì ở một khía cạnh nào đó, hoạt động ngân hàng

có thể phát huy lợi thế nhờ quy mô, nên rất có thể một cây làm chẳng nên non nhưng ba cây chụm lại sẽ tạo được một hòn núi cao.

Những lựa chọn khả dĩ

Việc giảm thiểu số lượng các ngân hàng là điều cần thiết. Trong tình huống hiện tại, Việt Nam có các lựa chọn gồm: Để các ngân hàng trong nước sáp nhập với nhau, trong đó các NHTMNN và một số NHTMCP lớn sẽ đóng vai trò chính. Với phương thức này, các ngân hàng trong nước vẫn giữ được vai trò chi phối, tránh được sự thâm tóm của các ngân hàng nước ngoài. Tuy nhiên, ở giải pháp này, các ngân hàng trong nước rất khó cải thiện được điểm yếu cố hữu của mình. Tuy nhiên, ở tình huống ngược lại, để các ngân hàng nước ngoài mua lại các ngân hàng trong nước, khả năng các ngân hàng sẽ tốt lên, nhưng khả năng bị thâm tóm hệ thống ngân hàng là có thể xảy ra.

Với xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, việc lũng đoạn của các tổ chức nước ngoài ở một quốc gia nào đó là rất khó khăn, do vậy, người viết bài viết này ủng hộ quan điểm để cho các tổ chức tài chính nước ngoài đóng một vai trò tích cực hơn trong việc xây dựng một hệ thống ngân hàng mạnh mà nó có vai trò tích cực cho phát triển kinh tế, với điều kiện Việt Nam cần phải có một ngân hàng Trung ương và cơ quan giám sát các hoạt động tài chính mạnh để tránh những tác động tiêu cực từ sự cạnh tranh và hoạt động không lành mạnh của các tổ chức tài chính nói chung, ngân hàng nói riêng.

Tóm lại, một trong những nguyên nhân gây ra rắc rối hiện tại của hệ thống ngân hàng Việt Nam là có quá nhiều ngân hàng trong điều kiện hầu hết các ngân hàng dường như không có lợi thế riêng biệt nào khác ngoài huy động vốn và cho vay nhưng không kiểm soát được rủi ro và những hoạt động của mình. Việc sắp xếp giảm bớt số lượng ngân hàng trong thời điểm hiện tại là việc làm cấp bách và cần thiết. ■

Chú thích:

¹ EIU, Country Finance: US 2007, South Korea (1997 và 2007)

² Nhiều người đã rất kỳ vọng khi Việt Nam triển khai tiến trình cổ phần hóa Vietcombank như cách thức mà thông lệ quốc tế hay làm là chọn nhà đầu tư chiến lược trước sau đó mới phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Tuy nhiên, khi các đối tác chiến lược, dựa vào phân tích tiềm năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp đưa ra một cái giá quá thấp đã bị loại và kế hoạch đã bị quay ngoắt 180 độ. IPO đã được thực hiện trước khi chưa có nhà đầu tư chiến lược cụ thể có nghĩa là nhà đầu tư thông thường chưa thể biết chiến lược cụ thể của ngân hàng này là gì và giá cổ phiếu trên thị trường OTC đã giảm đáng kể so với giá đấu giá bình quân cách đây hơn hai tháng. Nếu mức giá và cách thức IPO được thực hiện như kế hoạch ban đầu có lẽ kết quả sẽ khác hẳn so với kịch bản đang xảy ra. Nếu ngân hàng này đi theo hướng lựa chọn ngay nhà đầu tư chiến lược trong danh sách ngắn với mức giá mà theo các báo là từ 43-65 nghìn đồng, sau đó thiết lập giá bán khởi điểm ở mức 60-80 nghìn đồng cho một cổ phiếu thì có thể kịch bản sau sẽ xảy ra. Với hai mức giá nêu trên có thể sẽ làm cho công chúng lạc quan hơn rất nhiều vì việc có được các nhà đầu tư chiến lược, nhất là các tổ chức tài chính có tên tuổi là một sự đảm bảo cho tương lai dài hạn cộng với mức giá ban đầu khá sức dễ chịu sẽ làm cho mọi người nghĩ rằng việc được quyền sở hữu cổ phiếu VCB sẽ có được món lời khá khá. Chính hai yếu tố nêu trên sẽ thu hút được một lượng lớn những người có tiền mong muốn tham gia IPO. Lúc này luật cung cầu sẽ phát huy tác dụng và giá cổ phiếu có thể sẽ được đẩy lên một mức như mọi người kỳ vọng và ai cũng vui. Hơn thế, trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt hiện nay, việc bảo vệ và phát triển nguồn nhân lực vốn được đánh giá là tốt nhất trong hệ thống ngân hàng hiện nay có lẽ là một trong những việc quan trọng nhất đối với Vietcombank. Với mức giá 108 nghìn đồng, nếu một người có thâm niên 10 năm công tác được mua 1.000 cổ phiếu với mức chiết khấu 40% thì số tiền có được chưa đến 50 triệu đồng, tương đương với 1 năm thu nhập quả là nhỏ nhoi so với kỳ vọng của nhiều người. Kịch bản hoàn toàn có thể xảy ra là sau khi hiện thực hóa quyền mua cổ phiếu của mình, nhiều người sẽ tìm kiếm đồ mới với mức thu nhập cao hơn rất nhiều. Tình huống có thể sẽ khác đi rất nhiều nếu giá bán cho nhà đầu tư chiến lược ở mức giá vừa phải (60 nghìn đồng chẳng hạn). Căn cứ vào giá này, VCB hoàn toàn có thể trình những người có thẩm quyền cho phép làm căn cứ chiết khấu cho cán bộ nhân viên (xét cho cùng người lao động là “đối tác chiến lược quan trọng nhất” của doanh nghiệp). Như vậy, nếu kịch bản giá cổ phiếu sau IPO được đẩy lên mức từ 120-150 nghìn đồng thì phần có được của người lao động nêu trên

Thư mời viết bài tạp chí

Kính gửi : Các nhà khoa học, nhà nghiên cứu và cộng tác viên

Tạp chí Công nghệ Ngân hàng trân trọng kính mời Quý vị tham gia viết bài cho Tạp chí theo các nội dung gợi ý sau:

- Chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ, chính sách kinh tế đối ngoại.
- Tác động của lạm phát và các giải pháp kiềm chế lạm phát.
- Sự nguội lạnh của thị trường chứng khoán, thị trường địa ốc
- Sự nóng lên của các sàn giao dịch vàng
- Xu hướng chuyển từ gửi tiết kiệm sang vàng và các hàng hoá khác.
- Sự mở rộng các chi nhánh ngân hàng
- Sự phát triển của các tập đoàn tài chính ngân hàng
- Tác động của việc thực hiện các cam kết của WTO đối với ngành tài chính- ngân hàng.

Quý vị cũng có thể viết những nội dung khác thuộc những chuyên mục thường kỳ của Tạp chí như Nghiên cứu trao đổi, Công nghệ ngân hàng, Diễn đàn trao đổi, sản phẩm ngân hàng dành cho doanh nghiệp.

Sự đóng góp bài báo của Quý vị sẽ góp phần làm tăng chất lượng khoa học, uy tín của Tạp chí và nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường ĐHNH

Xin chúc quý vị sức khỏe, thành công, hạnh phúc.

Chân thành cảm ơn!

Mọi chi tiết xin liên hệ: Cô **Trần Thị Mỹ Hạnh**
Tạp chí Công nghệ Ngân hàng
36 Tôn Thất Đạm, Quận 1, Tp HCM
ĐT: 8211706 - Fax: 8216684

cũng lên đến 100 triệu đồng. Quan trọng hơn là người lao động thấy được giá trị của mình và sự quan tâm của tổ chức nên sẽ gắn bó lâu dài. Đây chính là một trong những điều kiện quan trọng đảm bảo để Vietcombank có thể đạt được những mục tiêu trở thành một tổ chức tài chính có tên tuổi ít nhất là trong khu vực.

³ Đây là con số lấy từ báo cáo tài chính năm 2007. Nếu theo số liệu công bố gần đây của ACB thì con số này lên đến 1.200 tỷ đồng. Ngoài ra, có người cho rằng, hiện ACB đang có một khoản để dành rất lớn do ngân hàng này đã tranh thủ mua vào cổ phiếu ngay từ khi VN-Index ở mức rất thấp (khoảng 250) nên cho dù giá chứng khoán có sụt giảm nhiều thì họ cũng không bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, nếu điều này xảy ra cũng có nhiều điều đáng quan tâm vì đầu là hoạt động nòng cốt của ngân hàng này và liệu điều tương tự có thể xảy ra thêm một lần nữa hay không và câu hỏi đặt ra là lúc đó ngân hàng này đã dùng bao nhiêu tiền để mua cổ phiếu, liệu có đảm bảo đúng tỷ lệ theo quy định về đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng hay không? Thêm vào đó, gần đây tạp chí The Economist đã có bài phân tích rằng sở dĩ các doanh nghiệp ở các nước Đông Nam Á hầu như không đạt được đẳng cấp quốc tế vì họ đã quá vội vàng đa dạng hóa hoạt động kinh doanh mà không tập trung vào các hoạt động nòng cốt có lợi thế của mình. Dường như điều tương tự cũng đang xảy ra với các doanh nghiệp của Việt Nam. Rất nhiều doanh nghiệp có thu nhập từ hoạt động tài chính cũng như bất động sản chiếm một tỷ trọng rất lớn trong tổng thu nhập.

⁴ Việc biến thành đại lý cho các ngân hàng nước ngoài có thể thấy trước. Hiện nay, số lượng dịch vụ mà các ngân hàng Việt Nam đang cung cấp chỉ lên đến con số hàng trăm, trong khi số dịch vụ mà một ngân hàng ở mức trung bình của các nước phát triển lên đến con số hàng nghìn. Bây giờ, khi các ngân hàng nước ngoài “nhờ” các ngân hàng trong nước làm đại lý cho một vài sản phẩm thì hình ảnh của các ngân hàng trong nước vẫn còn rõ nét. Điều gì sẽ xảy ra nếu số sản phẩm mà các ngân hàng làm đại lý nhiều hơn số sản phẩm mà chính ngân hàng cung cấp. Thực ra, bài học này đã có ở Việt Nam, thông qua mô hình liên doanh, một số doanh nghiệp nước ngoài cũng dùng “chiêu” này đã biến mạng lưới phân phối của các doanh nghiệp trong nước thành mạng lưới phân phối của họ lúc nào không hay. Khi liên doanh kết thúc, vô hình chung nhiều doanh nghiệp trong nước không những mất tiền để quảng cáo sản phẩm cho doanh nghiệp nước ngoài thông qua phần vốn góp mà còn mất cả thị phần của mình.

⁵ Thực ra, nếu tính theo số điểm giao dịch thì hệ thống ngân hàng Trung Quốc dày đặc hơn Việt Nam. Chỉ bốn NHTMNN cuối năm 2001 đã có đến 103 nghìn chi nhánh, bình quân 116 nghìn người có một chi nhánh, trong khi con số này ở Việt Nam khoảng 200 nghìn (không kể các Quỹ tín dụng nhân dân).

⁶ Xem cam kết gia nhập WTO của Việt Nam, phụ lục về dịch vụ, trang 48.

⁷ Việc áp dụng đầy đủ Basel II đối với Việt Nam trong thời điểm hiện nay là rất khó, tuy nhiên, có thể áp dụng những điểm phù hợp với thực tế Việt Nam hiện nay sẽ giảm thiểu việc can thiệp hành chính rất nhiều